

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1222/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2565/TTr-SKHĐT ngày 16/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp t

xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Cao Bằng (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, căn cứ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, xác lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Trường Huy

Phụ lục

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

QUY TRÌNH CẤP HUYỆN (GIẢI QUYẾT 26 TTHC)

LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HỢP TÁC XÃ

Quy trình số: 01

Quy trình giải quyết 26 TTHC:

- 2.002635** - Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.
- 2.002636** - Đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng. nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.
- 2.002637** - Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023.
- 2.002638** - Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy.
- 2.002639** - Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.
- 2.002640** - Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác.
- 2.002641** - Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác.
- 2.002642** - Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (*Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác*).
- 2.002643** - Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 2.002644** - Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.
- 2.002645** - Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 2.002646** - Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

13. **2.002648** - Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
14. **2.002649** - Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
15. **2.002650** - Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
16. **1.005280** - Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất.
17. **2.002123** - Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh.
18. **1.005277** - Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập.
19. **1.004901** - Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
20. **1.004979** - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập.
21. **2.001958** - Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
22. **1.005378** - Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
23. **1.005377** - Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.
24. **2.001973** - Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
25. **1.004982** - Đăng ký giải thể Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*Trường hợp tính từ ngày nhận được nghị quyết giải thể*).
26. **1.005010** - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài*).

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 (ngày làm việc) x 08 (giờ) = 24 (giờ)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	04 giờ
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Tài chính – Kế hoạch	02 giờ
Bước 3	Thụ lý hồ sơ: - Xử lý thẩm định hồ sơ; - Xác minh (nếu có) - Trình lãnh đạo Phòng phê duyệt	Chuyên viên phòng Tài chính – Kế hoạch thụ lý hồ sơ	08 giờ
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo phòng Tài chính – Kế hoạch	08 giờ
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Chuyên viên phòng Tài chính – Kế hoạch	02 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			03 ngày làm việc

Quy trình giải quyết 03 TTHC:

1. **2.002642** - Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (*Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác*).
2. **1.004982** - Đăng ký giải thể Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*Tính từ ngày nhận được hồ sơ giải thể*).
3. **1.005010** - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước*).

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 (giờ) = 40 (giờ)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyên hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	04 giờ
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Tài chính – Kế hoạch	02 giờ
Bước 3	Thụ lý hồ sơ: - Xử lý thẩm định hồ sơ; - Xác minh (nếu có) - Trình lãnh đạo Phòng phê duyệt	Chuyên viên phòng Tài chính – Kế hoạch thụ lý hồ sơ	24 giờ
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo phòng Tài chính – Kế hoạch	08 giờ
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Chuyên viên phòng Tài chính – Kế hoạch	02 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc